



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE:

IV#: 113.273
VEWL.#: _____
I-171#: Y NO
EXIT VISA#: _____

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM NGUYEN KHOA HOAI
Last Middle First

Current Address: 292 Nguyen Chi Thanh P.S. Q11 - Ho Chi Minh City

Date of Birth: 06.20.1941 Place of Birth: Thua Thien

Previous Occupation (before 1975) Major
(Rank & Position)

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates: From 06-13-75 To 05-15-1984
Years: 08 Months: 11 Days: _____

3. SPONSOR'S NAME: _____
Name

Address and Telephone Number

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

<u>Name, Address & Telephone Number</u>	<u>Relationship</u>
<u>NGUYEN KHOA DSEM</u>	_____
_____	_____
_____	_____
_____	_____

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

DATE PREPARED: _____

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : _____
 (Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES:	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION :

**GENERAL ASSOCIATION OF
FORMER POLITICAL PRISONERS OF VIETNAMESE COMMUNIST**
Tổng Hội Cựu Tù Nhân Chính Trị Cộng Sản Việt Nam
P.O. BOX 1953, GARDEN GROVE, CA 92642 - TEL: (714) 894-4136

POLITICAL PRISONERS REGISTRATION FORM
Mẫu ghi tên Tù Nhân Chính Trị
(Two Copies)

IV. # 113273
VEWL. # _____
F171: _____ Y _____ N _____

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education Camp in Viet Nam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

(Mục đích của mẫu này là xác định những người đã và đang bị giam cầm trong các Trại Cải Tạo ở Việt Nam để được phép vào Hoa Kỳ theo chương trình ra đi có trật tự.)

A. GENERAL BIOGRAPHY: (Photo if available)

Lý lịch tổng quát, kèm ảnh nếu có)

1. Name (Family name, middle, first): NGUYEN KHOA HOAI
(Họ và tên theo thứ tự Việt Nam)
2. Sex: M DOB: 06 / 20 / 41 / Place of Birth: THUA THIEN, VIET NAM
(Phái) (Ngày sinh) (Nơi sinh)
3. Last position/Rank, Agency/Unit: MAJOR, CHIEF OF TRAINING GROUP T-37
(Chức vụ/cấp bậc, Cơ quan/Đơn vị cuối cùng) FLYING SCHOOL / PHANRANG AFB / VNAF.

B. ARREST

(Giam giữ)

1. Date & Place of Arrest: JUNE 13, 1975 HOC-MON
(Ngày nói trình diện/bị bắt giữ)
2. Name, Location of Prisons or Re-education Camps: HOC-MON, TAN HIEP, YEN BAI - HANG HIEN SON
(Tên, địa điểm các trại giam) TAN LAP, VINH PHU, HAM TAN.
3. Date of release or still in camps: MAY 15, 84.
(Ngày được thả hay còn bị giam)

C. FAMILY STATUS:

(Tình trạng gia đình)

1. Married or single: SINGLE
(Cố gia đình hay độc thân)
2. If married, please complete names of Spouse & Children _____
(Nếu có gia đình, xin điền thêm người vợ/chồng và các con)

3. Address of family: 292 NGUYEN CHI THANH, P. 5, QUẬN 11
(Địa chỉ gia đình) TP. HO CHI MINH - VIET. NAM

D. APPLICANT:

(Người đứng đơn)

1. Name: NGUYEN KHOA ANH Occupation: PRODUCTION CONTROL
(Họ và tên) FORMER COLONEL VNAF.
(Nghề nghiệp)
2. Address and phone number: _____
(Địa chỉ và điện thoại) RESEDA, CA.
3. Relationship with detainee: BLOOD BROTHER
(Liên hệ với tù nhân cải tạo)
4. Status in U.S.A.: Permanent Resident ☐ U.S. Citizen ☒
5. Are you willing to sponsor the above detainee (if released)
(Ông, Bà có sẵn sàng đứng ra bảo trợ cho đường sự không?) Yes ☒ No ☐

Date: July 31, 1988
(Ngày, tháng, năm)

Dem Khoa Anh
Signature of Applicant
(Chữ ký của người đứng đơn)

(Certificate of Release)

BỘ NỘI VỤ
Trại Thị Dục
Số 415 CRT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số 001-QLTG, ban hành theo công văn số 2565 ngày 27 tháng 11 năm 1972

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

SHSLD

GIẤY RA TRẠI

Theo thông tư số 966-BCA/TT ngày 31-5-1961 của Bộ Nội vụ;

Thi hành án văn, quyết định tha số 262 ngày 20 tháng 4 năm 1984
của Bộ Nội Vụ.

Nay cấp giấy tha cho anh, chị có tên sau đây:

Họ, tên khai sinh NGUYỄN KHOA HOÀI Sinh năm 19 41

Các tên gọi khác _____

Nơi sinh Thừa Thiên

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú trước khi bị bắt 17A Nha Trang, Phú Khánh.

Cán bộ: Thiếu tá sĩ quan phụ tá liên đoàn khóa sinh.

Bị bắt ngày 13-6-75 An phạt TTCT

Theo quyết định, án văn số _____ ngày _____ tháng _____ năm _____ của _____

Đã bị tống án _____ lần, cộng thành _____ năm _____ tháng _____

Đã được giảm án _____ lần, cộng thành _____ năm _____ tháng _____

Nay về cư trú tại 17A Nha Trang, Phú Khánh.

Nhận xét quá trình cải tạo

Đã có nhiều tiến bộ, chấp hành nội quy nghiêm, lao động và học tập tốt.

- Thời hạn quản chế: 12 tháng.

- Tiền đi, đường đi cấp đủ.

Đương sự phải trình diện tại UBND Phường, xã: Nơi về cư trú.

Trước ngày 22 tháng 5 năm 1984

Lên tay người trả phí
của Nguyễn Khoa Hoài

Danh _____

L _____

Họ tên, chữ ký
người được cấp giấy

Khoa

Ngày 22 tháng 5 năm 1984



Thieu _____

TRANSLATION.

DEPARTMENT OF INTERIOR
RE-EDUCATION CAMP, THU DUC
No : 415 GRT

REPUBLIC SOCIALIST OF VIET NAM
Independence-Liberty-Happiness

RE-EDUCATION CAMP RELEASE CERTIFICATE

- Based on Interior Department Circular no. 966-BCA/TT dated May 31, 1961
- In execution of Release Decision no. 262 dated 20 April 84 issued by Department of Interior

Here is to issue this Re-education camp release certificate to :

Name : NGUYEN KHOA HOAI

Aka :

Name usually called :

Birthdate : 1941

Birthplace : Thua Thien

Address : 17 A Nha Trang, Phu Khanh.

Former title : Major, Air cadet Assistant Group Commander

Date arrested : 13 June 1975

Sentence : TTCT

Residence after release : 17 A Nha Trang, Phu Khanh

Recommendation through re-education period

- Well improved, good behavior, labor and education being improved.

- Probation period : 12 months

- Travel expenses been received.

Right index print of
NGUYEN KHOA HOAI

Signature
bearer

NGUYEN KHOA HOAI

Date : 15 May 1984
(seal and signature)
Major

Translated by : NGUYEN THI YEN
Signature : *Yen Nguyen*

Subscribed and sworn to before me on this 1st day of March 1985
stated that the translation is true and correct to the best of her
knowledge and belief.

STATE OF TEXAS
CITY OF HOUSTON

HOAT KHOA NGUYEN
NOTARY PUBLIC IN AND FOR
THE STATE OF TEXAS

MY COMMISSION EXPIRES SEPTEMBER 15, 1985

COUNTY OF HARRIS

[Signature]
NOTARY PUBLIC

QUẬN II - HỒ CHÍ MINH City
VIETNAM

DIRECTOR OF THE ODP
CONSULAR SERVICE OF THE USA
131 SOI TIEN SIANG
SATHORN TAI ROAD
BANGKOK 10120
THAILAND.

Dear Sir,

I undersigned : NGUYỄN KHOA HOÀI
Date and place of birth : June 20, 1941 - Bình Trị Thiên
Nationality : Vietnam
Rank : Major - Serial number : 61/601.049
Residence address : 292, Nguyễn Chí Thanh, phường 5
Quận II, HỒ CHÍ MINH City - VIETNAM.
Mailing address : To Mrs. NGUYỄN KHOA ĐIỀU HIỆP
2719 MILLS PARK DR #1 RANCHO CORDOVA - CA 95670/USA
Have the honour to expose my situation as follows :

I joined to the Vietnamese Airforce since October 1st 1964 and took the air training program at NHATRONG air training base.

- June 1965 : taking the US training programmes :
 - + English training Course at Lackland AFB - Texas.
 - + T-28 pilot training Course (MAP program) - Class 67-B at Randolph AFB - Texas. Graduation on Nov. 1966
- Oct. 1966 : 2LT. A-1 pilot training transition Course at Hurlburt field - Eglin AFB - Florida - Graduation on Feb. 1967
- March 1967 - 2LT, A-1 fighter pilot 518th fighter SQ 23rd Tactical Wing - Bien Hoa AB.
- Oct. 1968 : 1/LT, A-1 tactical flight leader - 518th SQ.
- Oct. 1970 : Capt. A-1 tactical flight leader and Safety officer of 378th Sq.
- 1971 : taking the Altitude Chamber training Course at Okinawa - Japan.
- Jan. 1st 1973 : Major, taking the US training program T-37 Instructor pilot training Course at WEBB AFB - TEXAS.

- Nov. 1973 : T-37 IP training graduation.
- Dec. 1973 : Chief of training group - T-37 flying school at Phanrang AB (US training course in Vietnam)
- Oct. 1974 : taking the Squadron officer training course at Tan Son Nhut AB.
- Nov. 1974 : Chief of training group - T-37 flying school and deputy officer of air student regiment.

After April 30th 1975, I entered the reeducation concentration camps. I passed these camps.

- 1) Hien Mon - Giadi nh. 2) Tan Hiep Bien Hoa - Box 1248
- 3) Yen Bai - Hoang Lien Son - Box AH-69-NT 4) Tan Lap - Vinh Phu - Box 62A-TD-63TL 5) Ham Tan - Chuoi hai - Box Z30D-K2

I was released from the Concentration Camp on May 15 1984. It has come to my attention that the US Government is planning a project of orderly departure program (ODP) which is protection for people who intend to immigrate to the USA, especially for former employees and former officers. With this present request, I call for your generous and humanitarian acts to grant us an immigrant visa to the USA under your protection. My only hope and enthusiasm is to be permitted to leave Vietnam as soon as possible due to my difficulties in life here. I beg you realize my situation and inform me any information.

Hoping to hear from you soon.

Respectfully Yours.

CHM

Huyen Hoa Hoa

* I am very regret for unable to provide more necessary and available documents (Certificates, diplomas...) because all of the above documents were totally destroyed by April 1975 event.

* Attach Copies of my birth Certificate and the release Certificate.